

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

1. Giới thiệu về Ngành đăng ký đào tạo, mã ngành đào tạo, tên chương trình đào tạo, trình độ đào tạo

- Ngành đăng ký đào tạo: Giáo dục học
- Mã ngành đào tạo: 8140101
- Chương trình đào tạo: Giáo dục mầm non
- Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

2. Mục tiêu đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

+ Kiến thức: Làm chủ kiến thức chuyên ngành, đảm nhiệm được công việc của chuyên gia trong lĩnh vực giáo dục mầm non; có tư duy phản biện; có kiến thức lý thuyết chuyên sâu để phát triển kiến thức mới và tiếp tục nghiên cứu ở trình độ tiến sĩ giáo dục học và giáo dục mầm non; có kiến thức tổng hợp về pháp luật, quản lý và bảo vệ môi trường giáo dục và giáo dục mầm non.

+ Kỹ năng: Có kỹ năng hoàn thành công việc phức tạp trong môi trường thay đổi; có kỹ năng nghiên cứu độc lập để phát triển và thử nghiệm những giải pháp mới, phát triển các công nghệ mới trong lĩnh vực chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non; Có kỹ năng ngoại ngữ ở mức hiểu được một báo cáo hay bài phát biểu về hầu hết các chủ đề trong công tác giáo dục trẻ; có thể diễn đạt bằng ngoại ngữ trong hầu hết các tình huống chuyên môn thông thường.

+ Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Có năng lực giao tiếp hiệu quả, làm việc độc lập và hợp tác, tự học và tự nghiên cứu để phát triển nghề nghiệp liên tục; Có trách nhiệm cao trong thực hiện nhiệm vụ, tuân thủ đạo đức trong hoạt động chuyên môn giáo dục mầm non.

2.2. Mục tiêu cụ thể

+ Phẩm chất đạo đức:

M1. Có trách nhiệm với nghề nghiệp, có phẩm chất đạo đức lành mạnh, trong sáng, lập trường tư tưởng vững vàng; thực hiện tốt chủ trương chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước đặc biệt trong lĩnh vực giáo dục mầm non.

+ Kiến thức:

- *Kiến thức chung*:

M2. Vận dụng sáng tạo kiến thức nền tảng về khoa học xã hội, khoa học chính trị, khoa học giáo dục, văn hóa trong học tập và phát triển chuyên môn.

- *Kiến thức cơ sở và ngành*:

M3. Áp dụng linh hoạt kiến thức chuyên sâu về giáo dục học (giáo dục mầm non) trong thực tiễn công việc.

+ Kỹ năng:

M4. Phát triển các năng lực chuyên môn về giáo dục mầm non.

M5. Có kỹ năng tin học và ngoại ngữ thành thạo trong công tác chuyên môn.

*c) Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

M6. Phát hiện và giải quyết vấn đề chuyên môn và đề xuất những sáng kiến cải tiến công tác giáo dục trẻ tại cơ sở giáo dục mầm non; có khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân, thích nghi với môi trường làm việc có tính cạnh tranh cao và năng lực dẫn dắt chuyên môn; đưa ra được những kết luận mang tính chuyên gia về các vấn đề phức tạp của giáo dục mầm non.

M7. Có năng lực phát huy trí tuệ tập thể trong quản lý và hoạt động chuyên môn; có năng lực nhận định, đánh giá và ra quyết định, dẫn dắt đồng nghiệp xử lý những vấn đề lớn về giáo dục mầm non trước yêu cầu thực tiễn; Bảo vệ và chịu trách nhiệm về những quyết định trong chuyên môn.

### 2.3. Chuẩn đầu ra

#### 2.3.1. Kiến thức

+ Kiến thức chung:

C1. Vận dụng được hệ thống tri thức khoa học xã hội và khoa học chính trị trong xây dựng, triển khai và đánh giá công tác chuyên môn ở cơ sở giáo dục mầm non.

+ Kiến thức ngành, chuyên ngành:

- Kiến thức ngành:

C2. Áp dụng được các kiến thức cơ bản, nền tảng về tâm lý học, giáo dục học mầm non trong xây dựng, triển khai kế hoạch hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ tại cơ sở giáo dục mầm non.

- Kiến thức chuyên ngành:

C3. Vận dụng được kiến thức lý thuyết và kiến thức thực tế sâu rộng, vững chắc về giáo dục học mầm non trong tổ chức thực hiện các hoạt động chuyên môn theo từng lĩnh vực giáo dục phát triển trẻ; bước đầu vận dụng hiệu quả kiến thức trong công tác quản lý nhóm/lớp, quản lý cơ sở giáo dục mầm non.

- Yêu cầu đối với luận văn: Luận văn phải là một công trình nghiên cứu độc lập, không trùng lặp với các công trình khoa học đã công bố; giải quyết vấn đề cụ thể theo vị trí việc làm hiện tại và tương lai của học viên.

#### 2.3.2. Kỹ năng

+ Kỹ năng cứng:

C4. Xây dựng và phát triển được kế hoạch giáo dục trường mầm non, thực hiện được các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục trẻ, phát triển được cộng đồng giáo dục nghề nghiệp và nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non, khoa học quản lý giáo dục mầm non.

C5. Đạt trình độ ngoại ngữ B1 (tiếng Anh) theo Khung tham chiếu Châu Âu.

C6. Sử dụng thành thạo công nghệ thông tin trong hoạt động chuyên môn.

+ Kỹ năng mềm:

C7. Phát triển năng lực thu hút, tập hợp các thành viên/tổ/nhóm chuyên môn; phát triển các mối quan hệ hợp tác trong giải quyết nhiệm vụ chuyên môn.

C8. Phát triển kỹ năng giao tiếp hiệu quả, ứng xử sư phạm chuẩn mực trong quá trình giáo dục và quản lý giáo dục mầm non.

*2.3.3. Năng lực tự chủ, trách nhiệm:*

C9. Phát hiện và giải quyết được các vấn đề thực tiễn trong hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ dựa trên đạo đức nghề nghiệp và tôn trọng sự phát triển của trẻ; tuân thủ các nguyên tắc đạo đức trong hoạt động chuyên môn giáo dục mầm non.

C10. Đề xuất và chịu trách nhiệm về những kết luận mang tính chuyên gia, những sáng kiến quan trọng nhằm giải quyết và nâng cao hiệu quả công tác chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non.

*2.4. Khung chương trình đào tạo*

Mã học phần		Tên học phần	Số tín chỉ	Loại giờ		Mã số HP tiên quyết
Phần chữ	Phần số			Lý thuyết	TH, TN, TL	
<b>1. KHỐI KIẾN THỨC CHUNG (2 học phần)</b>			<b>9</b>			
PHI	514	Triết học (Philosophy)	4			
ENG	515	Tiếng Anh (English)	5			
<b>2. KHỐI KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH VÀ KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH</b>			<b>38</b>			
<b>2.1. Khối kiến thức cơ sở ngành</b>			<b>22</b>			
<i>2.1.1. Học phần cơ sở bắt buộc (6 học phần)</i>			<b>15</b>			
MES	523	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học giáo dục	3	1.5	1.5	
EAQ	523	Chính sách, chiến lược phát triển giáo	3	1.5	1.5	

		đục				
TCP	522	Các lý thuyết về sự phát triển tâm lý trẻ em	2	1	1	
OAE	523	Tổ chức hoạt động giáo dục trẻ theo hướng trải nghiệm ở trường mầm non	3	1.5	1.5	
ANS	522	Quản trị cơ sở giáo dục mầm non	2	1	1	
<b>2.1.2. Học phần cơ sở tự chọn (2/5 học phần)</b>			<b>7</b>			
DEE	522	Phát triển môi trường giáo dục	2			
EPM	523	Giáo dục trẻ mầm non theo tiếp cận hiện đại	3	1.5	1.5	
PCM	522	Giao tiếp sư phạm mầm non trong môi trường đa văn hóa	2	1	1	
PEC	522	Tư vấn giáo dục mầm non	2	1	1	
CBN	522	Xây dựng văn hóa và thương hiệu trường mầm non	2	1	1	
<b>2.2. Khối kiến thức chuyên ngành</b>			<b>16</b>			
<b>2.2.1. Học phần chuyên ngành bắt buộc (4 học phần)</b>			<b>10</b>			
MDC	533	Quản lý, phát triển chương trình giáo dục	3	1.5	1.5	
EMN	532	Giáo dục trẻ theo mô hình lớp ghép ở trường mầm non	2	1	1	
EDN	532	Giáo dục kĩ thuật tích cực ở trường mầm non	2	1	1	
EES	533	Giáo dục tình cảm, kĩ năng xã hội cho trẻ mầm non	3	1.5	1.5	
<b>2.1.2. Học phần chuyên ngành tự chọn (3/7 học phần)</b>			<b>6</b>			
OLE	532	Tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng sống	2	1	1	
DTM	532	Phát triển tư duy cho trẻ mầm non qua hoạt động làm quen với toán	2	1	1	
DCA	532	Phát triển khả năng sáng tạo của trẻ trong hoạt động nghệ thuật	2	1	1	
ELE	532	Giáo dục ngôn ngữ cho trẻ mầm non vùng dân tộc thiểu số	2	1	1	
PDP	532	Phát triển thể chất cho trẻ mầm non	2	1	1	

SEN	532	Giáo dục trẻ mầm non theo định hướng STEAM	2	1	1	
CDP	532	Phát triển nghề nghiệp cho giáo viên mầm non	2	1	1	
<b>3. LUẬN VĂN THẠC SĨ (Thesis)</b>			<b>13</b>			
<b>Tổng cộng</b>			<b>60</b>			

**Ghi chú:**

\* (TH, TL) là viết tắt của tổng số giờ tín chỉ (Thực hành/Thảo luận).

\* Học viên có thể lựa chọn các học phần tự chọn cho phù hợp với hướng nghiên cứu của luận văn.

**Các hướng nghiên cứu luận văn**

- Dự báo giáo dục mầm non, chiến lược phát triển giáo dục mầm non
- Quản trị cơ sở giáo dục mầm non
- Xây dựng văn hóa và thương hiệu cơ sở giáo dục mầm non
- Phát triển chương trình giáo dục mầm non
- Tổ chức hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ tại cơ sở giáo dục mầm non
- Phát triển môi trường giáo dục mầm non
- Bồi dưỡng kỹ năng tổ chức hoạt động giáo dục trẻ tại cơ sở giáo dục mầm non
- Bồi dưỡng kỹ năng tư vấn, tham vấn giáo dục mầm non
- Giáo dục hòa nhập trẻ mầm non
- Tư vấn giáo dục mầm non
- Kiểm tra, đánh giá, kiểm định chất lượng giáo dục mầm non
- Phối hợp các lực lượng trong giáo dục mầm non.

**2.5. Hình thức, chính sách ưu tiên, đối tượng tuyển sinh; thời gian và hình thức đào tạo**

**2.5.1. Hình thức tuyển sinh**

- Tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Giáo dục học (Giáo dục mầm non) được tổ chức 2 đợt/năm.

- Hình thức tuyển sinh: Thi tuyển.

- Các môn thi:

+ Môn chuyên ngành: Giáo dục học

+ Môn cơ sở ngành: Triết học

+ Môn ngoại ngữ: Theo Quy chế đào tạo của Bộ Giáo dục & Đào tạo và Quy định của Đại học Thái Nguyên.

### 2.5.2. Chính sách ưu tiên

Thực hiện theo Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

### 2.5.3. Đối tượng tuyển sinh

#### a) Về văn bằng đại học

Người dự tuyển có bằng tốt nghiệp đại học (TNDH) ngành đúng/ngành phù hợp được phép đăng ký dự tuyển vào ngành đào tạo.

Nếu người dự tuyển có bằng TNDH ngành gần thì phải học bổ sung chương trình kiến thức để đạt trình độ tương đương.

Văn bằng đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải được công nhận bởi Cục Quản lý chất lượng (trước đây là Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục) - Bộ GD&ĐT.

#### b) Người dự tuyển có đủ sức khỏe để học tập.

#### c) Người dự tuyển nộp hồ sơ đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định của Nhà trường.

*Danh mục ngành đúng, ngành phù hợp, ngành gần và ngành khác*

+ Ngành đúng: Giáo dục mầm non

+ Ngành phù hợp: Tâm lý giáo dục; Giáo dục học; Giáo dục đặc biệt.

+ Ngành gần: Giáo dục học tiểu học; Tâm lý học; Quản lý giáo dục; Giáo dục công dân.

### 2.5.4. Thời gian và hình thức đào tạo

Thời gian đào tạo của chương trình được quy định là 02 năm học tập trung với 04 học kỳ; Hình thức tổ chức chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ.

### 2.6. Vị trí và khả năng làm việc sau khi tốt nghiệp:

Sau tốt nghiệp, học viên có năng lực làm việc ở các vị trí sau:

- Làm công tác chuyên môn và công tác quản lý tại cơ sở giáo dục mầm non/cơ sở dịch vụ về giáo dục mầm non.

- Làm công tác nghiên cứu tại tổ chức nghiên cứu về giáo dục học và giáo dục mầm non.

- Chuyên viên tại các sở giáo dục và đào tạo, phòng giáo dục và đào tạo.

### 2.7. Khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp:

Sau tốt nghiệp, học viên có thể tiếp tục học lên trình độ tiến sĩ thuộc đúng chuyên ngành hoặc có thể chuyển đổi một số học phần để học chuyên ngành khác.